

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2018/DS -ST

Ngày: 02-10-2018.

v/v Tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà ở
và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: **1/ Ông Thông Văn Đá.**
2/ Bà Trần Thị Mỹ Lệ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận: Bà Nguyễn Thị Bích Truyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2018/TLST-DS ngày 24/4/2018 về tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà ở và tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST- DS ngày 15/8/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2018/QĐST – DS ngày 10/9/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: A, khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Bá H, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Quốc C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: A, khu phố B, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Quốc C: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1974. Theo giấy ủy quyền ngày 21/5/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 06/4/2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trịnh Thị T trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên ông Trần Bá H có bán cho bà 01 căn nhà cấp 4, giá trị chuyển nhượng căn nhà là 280.000.000 đồng, bà đã giao đủ số tiền trên vào tháng 02/2017. Khi giao tiền bà và ông H không lập giấy tờ gì, ông H giao cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015, đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H. Đến ngày 15/3/2017, bà với ông H mới lập giấy nhượng căn nhà. Theo giấy trên thì bà với ông H thỏa thuận là bà đã giao đủ tiền cho ông H, ông H hứa vào khoảng tháng 3/2018 ông H sẽ giao nhà. Lý do không giao nhà ngay là do ông H xin được ở lại thêm một thời gian, vì lúc đó bà cũng không có nhu cầu sử dụng nhà ngay nên đã để ông H tiếp tục ở. Nhà bà mua là căn nhà cấp 4, diện tích căn nhà khoảng 200 m², nằm trên thửa đất số 33, diện tích 200m², tờ bản đồ số 121, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015, đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H, tọa lạc tại thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ban đầu bà có yêu cầu ông H làm hợp đồng công chứng, nhưng ông H hẹn sau khi giao nhà vào tháng 3/2018 sẽ lập hợp đồng công chứng cho bà. Vì tin tưởng nên bà cũng đồng ý. Đến thời hạn giao nhà, bà có tìm ông H để yêu cầu giao nhà, nhưng ông H cố tình lẩn tránh.

Vào khoảng tháng 11/2017, ông H có vay của bà một số tiền, tổng cộng là 85.000.000 đồng. Số tiền 85.000.000 đồng bà cho ông H vay thành nhiều lần, mỗi lần giao tiền bà không lập giấy tờ gì. Đến ngày 26/11/2017, ông H mới viết cho bà giấy mượn tiền với tổng số tiền đã mượn là 85.000.000 đồng. Ông H hẹn 15 ngày sau kể từ ngày 26/11/2017 sẽ trả cho bà nhưng đến nay ông H vẫn không thực hiện. Số tiền trên là tài sản chung của vợ chồng bà. Khi bà mua nhà cũng như cho ông H vay, chồng bà cũng biết nên bà xác định đây là tài sản chung của vợ chồng.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy nhượng căn nhà được lập ngày 15/3/2017 giữa bà Trịnh Thị T với ông Trần Bá H. Buộc ông Trần Bá H phải hoàn trả số tiền đã nhận cho vợ chồng bà là 280.000.000 đồng và yêu cầu ông Trần Bá H phải trả cho vợ chồng bà số tiền vay là 85.000.000 đồng theo giấy mượn tiền, có nội dung "...số tiền mượn kể từ ngày 26/11/017" cùng với lãi phát sinh của hợp đồng vay kể từ ngày 01/01/2018, mức lãi suất là 0.83%/tháng đến khi hai bên thanh toán xong nợ.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015 đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H hiện bà đang giữ, sau khi ông H

trả đủ số tiền 280.000.000đ cho bà thì bà sẽ trả lại giấy chứng nhận này cho ông H. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

*** *Tại bản tự khai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Quốc C do bà Trịnh Thị T đại diện theo ủy quyền trình bày:*** Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà của ông Trần Bá H để tổng đạt các văn bản tố tụng, ông H cố tình lẩn tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải đối với ông H theo qui định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa thứ nhất và phiên tòa hôm nay.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:*

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy nhượng căn nhà được lập ngày 15/3/2017 giữa nguyên đơn với bị đơn. Buộc bị đơn ông Trần Bá H phải hoàn trả số tiền đã nhận của vợ chồng nguyên đơn là 280.000.000 đồng và yêu cầu bị đơn ông Trần Bá H phải trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền vay là 85.000.000đồng theo giấy mượn tiền, có nội dung "...số tiền mượn kể từ ngày 26/11/017", cùng với tiền lãi phát sinh của hợp đồng vay kể từ ngày 01/01/2018, mức lãi suất là 0.83%/tháng đến khi hai bên thanh toán xong nợ. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về hợp đồng mua bán nhà ở" và "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2]. *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Bá H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. *Về nội dung*: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phía nguyên đơn bà Trịnh Thị T cung cấp chứng cứ: 01 “giấy nhượng căn nhà” được lập ngày 15/3/2017 và 01 giấy mượn tiền viết tay, không có tựa đề, có nội dung “...số tiền mượn kể từ ngày 26/11/017”, cả 02 giấy trên đều có chữ ký của ông Trần Bá H.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Bá H không có mặt để giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của ông H được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình.

[3.1] Xét nội dung trong “giấy nhượng căn nhà” được lập ngày 15/3/2017 giữa bà Trịnh Thị T và ông Trần Bá H có cơ sở xác định giữa bà Trịnh Thị T và ông Trần Bá H đã ký kết hợp đồng mua bán nhà ở. Bà T đã nhận của ông H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015, đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H, còn ông H đã nhận của bà T số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám chục triệu đồng), nhưng giữa hai bên chưa thực hiện việc giao, nhận nhà với nhau. Xét về hình thức hợp đồng mua bán là các bên ký bằng giấy tay với nhau, không được công chứng, chứng thực, theo khoản 1 Điều 122 Luật nhà ở năm 2014 quy định “ *Trường hợp mua bán, tặng cho, đổi, góp vốn, thế chấp nhà ở, chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở thương mại thì phải được thực hiện công chứng, chứng thực hợp đồng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này*”. Như vậy “giấy nhượng căn nhà” được lập ngày 15/3/2017 giữa bà Trịnh Thị T và ông Trần Bá H không được công chứng chứng thực đã không tuân thủ theo quy định của pháp luật về hình thức, không tuân thủ các điều kiện quy định của pháp luật tại các Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 122 Luật nhà ở năm 2014 nên là hợp đồng vô hiệu. Việc nguyên đơn yêu cầu hủy “giấy nhượng căn nhà” được lập ngày 15/3/2017 giữa nguyên đơn với bị đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền 280.000.000đồng. Do “giấy nhượng căn nhà” được lập ngày 15/3/2017 là hợp đồng vô hiệu nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 280.000.000đồng là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015, đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H hiện bà Trịnh Thị T đang giữ bà T đồng ý trả lại cho ông H sau khi ông H trả đủ số tiền 280.000.000đ nên Tòa ghi nhận.

Nguyên đơn xác nhận nhà mà nguyên đơn nhận chuyển nhượng thì hai bên chưa thực hiện việc giao, nhận nhà với nhau. Mặt khác, bị đơn vắng mặt nên cũng không có

ý kiến gì về việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu nên không xem xét giải quyết. Tách ra để giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu.

[3.2]. Xét nội dung trong giấy mượn tiền bằng giấy tay, không có tựa đề, có chữ ký của ông Trần Bá H, có nội dung "...số tiền mượn kể từ ngày 26/11/017" là phía bị đơn ông Trần Bá H có vay của nguyên đơn số tiền 85.000.000 đồng. Ông H hẹn 15 ngày sau kể từ ngày 26/11/2017 sẽ trả cho bà T nhưng đến nay ông H vẫn không thực hiện. Do bị đơn, ông Trần Bá H không đến Tòa án để tham dự phiên tòa, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn ông Trần Bá H có vay tiền của nguyên đơn bà Trịnh Thị T với số tiền nợ gốc là 85.000.000đồng, do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu tính lãi của số tiền vay kể từ ngày 01/01/2018, mức lãi suất là 0.83%/tháng đến khi hai bên thanh toán xong nợ của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung của giấy mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn (ngày hẹn trả 15 ngày sau kể từ ngày 26/11/2017) không lãi suất được quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2018, mức lãi suất 0.83%/tháng là có căn cứ, đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận yêu cầu của bà T về việc tính lãi, buộc ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà T khoản tiền lãi của số tiền vay 85.000.000đồng, kể từ ngày 01/01/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/10/2018) là 09 tháng 01 ngày, bằng $85.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 09 \text{ tháng} \times 01 \text{ ngày} = 6.373.000\text{đồng}$.

Như vậy, ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền 91.373.000đồng, trong đó gồm 85.000.000đồng tiền gốc và 6.373.000đồng tiền lãi.

[4]. Bà T xác nhận số tiền nhận chuyển nhượng nhà và số tiền cho ông H vay nêu trên là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông Hoàng Quốc C nên cần buộc ông Trần Bá H có trách nhiệm thanh toán cho vợ chồng bà T và ông C.

[5]. Đối với yêu cầu tính lãi của hợp đồng mua bán nhà ở và số tiền vay 68.000.000đồng (08 phiếu chuyển tiền cho ông H bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng và bưu điện) của bà Trịnh Thị T, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 06/4/2018 đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H phải trả, nhưng đến ngày 17/5/2018 bà Trịnh Thị T có đơn xin rút yêu cầu trên. Xét thấy, việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của bà Trịnh Thị T về việc yêu cầu tính lãi của hợp đồng mua bán nhà ở và số tiền vay 68.000.000đồng (các phiếu chuyển tiền cho ông H bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng và bưu điện); nếu sau này bà T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[7]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Bá H phải chịu 18.868.700đồng (trong đó gồm: 300.000đồng + 280.000.000đồng X 5% = 14.300.000đồng án phí của hợp đồng mua bán nhà ở và 91.373.000đồng X 5% = 4.568.700đồng của hợp đồng vay tài sản) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Bá H là người cao tuổi (trên 60 tuổi), nhưng ông H vắng mặt tại phiên tòa và không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Trịnh Thị T và ông Hoàng Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà Trịnh Thị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; **Điều 227; Điều 228**; Khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 117; Điều 119; Điều 122; Điều 129; Điều 131; Điều 351; Điều 352; Điều 353; Điều 357; Điều 431; Điều 432; Điều 434 Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 121; Điều 122 Luật nhà ở năm 2014.

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26; **Điều 27** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T.

1. Hủy “giấy nhượng căn nhà” lập ngày 15/3/2017 giữa bà Trịnh Thị T và ông Trần Bá H.

Buộc ông Trần Bá H phải hoàn trả cho vợ chồng bà Trịnh Thị T và ông Hoàng Quốc C số tiền 280.000.000đồng (hai trăm tám mươi triệu đồng).

Bà Trịnh Thị T có trách nhiệm trả cho ông Trần Bá H 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BX 314346

do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 27/5/2015, đứng tên ông Trần Bá H, bà Lê Thị Ngọc H.

2. Buộc ông Trần Bá H trả cho vợ chồng bà Trịnh Thị T và ông Hoàng Quốc C số tiền nợ vay là 91.373.000đồng (chín mươi một triệu ba trăm bảy mươi ba ngàn đồng), trong đó gồm 85.000.000đồng tiền nợ gốc và 6.373.000đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử đối yêu cầu của bà Trịnh Thị T về việc yêu cầu tính lãi của hợp đồng mua bán nhà ở và số tiền vay 68.000.000đồng (các phiếu chuyển tiền cho ông H bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng và bưu điện) nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Bá H phải chịu 18.868.700đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị T và ông Hoàng Quốc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trịnh Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.137.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015136 ngày 24/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Bá H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm

